

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 78/2016/TLST- DS ngày 17 tháng 10 năm 2016.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự**

-Nguyên đơn: bà Châu Thị C, sinh năm 1969

Địa chỉ: 110 DVA, phường XP, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

-Bị đơn: ông Châu T, sinh năm 1960

Địa chỉ: 110 DVA, phường XP, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

1/ ông Châu D, sinh năm 1957.

Địa chỉ: 110 DVA, phường XP, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế

2/ bà Châu Thị D, sinh năm 1959.

Địa chỉ: 110 DVA, phường XP, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế

3/ bà Châu Thị H, sinh năm 1962.

Địa chỉ: 110 DVA, phường XP, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế

4/ bà Châu Thị H, sinh năm 1966.

Địa chỉ: 37/2 LT, phường A, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

5/ bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957

Địa chỉ: 110 DVA, phường XP, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế

6/ bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961

Địa chỉ: 110 DVA, phường XP, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế

**2/ Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Thửa đất số 74, tờ bản đồ số 17, diện tích 217,7m<sup>2</sup>, trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở và 17,7m<sup>2</sup> đất nông nghiệp và thửa đất số 75, tờ bản đồ số 17, diện tích 198,6m<sup>2</sup> đất

ở, tọa lạc tại 110 DVA, phường XP, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đây là di sản thừa kế chưa chia của ông Châu N và bà Nguyễn Thị H, phần di sản này được chia như sau:

Lô đất số I: diện tích  $139,5m^2$ , trong đó diện tích đất ở là  $133,6m^2$  và diện tích đất nông nghiệp là  $5,9m^2$ . Cụ thể, phía Bắc giáp thửa 72 có cạnh 26,37m, phía Đông giáp thửa 217 có cạnh dài 5,77m, phía Nam giáp lô số 2 có chiều dài là hai cạnh gấp khúc dài 11,58m và 13,76m, phía Tây giáp đường DVA có chiều dài là 6m. Chia cho ông Châu T (có sơ đồ kèm theo).

Lô đất số II: diện tích  $138,4m^2$ , trong đó diện tích đất ở là  $132,5m^2$  và diện tích đất nông nghiệp là  $5,9m^2$ . Cụ thể, phía Bắc giáp lô số I có chiều dài là hai cạnh gấp khúc dài 11,58m và 13,76m, phía Đông giáp thửa 339 có chiều dài là hai cạnh gấp khúc dài 2,2m và 1,94m, phía Nam giáp lô số 3 có chiều dài 24,95m, phía Tây giáp đường DVA có chiều dài là 6m. Chia cho bà Châu Thị C (có sơ đồ kèm theo).

Lô đất số III: diện tích  $138,4m^2$ , trong đó diện tích đất ở là  $132,5m^2$  và diện tích đất nông nghiệp là  $5,9m^2$ . Cụ thể, phía Bắc giáp lô số II có chiều dài 24,95m, phía Đông giáp thửa 339 có chiều dài 4,96m, phía Nam giáp thửa 76 có chiều dài 24,98m, phía Tây giáp đường DVA có chiều dài là 6,01m. Chia cho ông Châu D (có sơ đồ kèm theo).

Các lô đất được phân chia như trên không ảnh hưởng đến tài sản của người nào.

Các ông bà Châu Thị C, Châu T, Châu D, có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

-Án phí dân sự sơ thẩm: Giá trị sử dụng đất chuyển nhượng trên thị trường, theo biên bản định giá tài sản ngày 23/3/2017 là 12.000.000đ/m<sup>2</sup>.

Bà Châu Thị C phải chịu án phí trên số tiền 1.660.800.000đồng, cụ thể án phí phải chịu là: 30.912.000đồng. Bà Châu Thị C đã nộp tạm ứng án phí 4.000.000đồng nên sau khi khấu trừ án phí phải chịu, bà Châu Thị C còn phải nộp thêm số tiền là 26.912.000đồng, theo biên lai thu tiền số 2040 ngày 17/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế.

Ông Châu T phải chịu án phí trên số tiền 1.674.000.000đồng, cụ thể án phí phải chịu là: 31.110.000đồng.

Ông Châu D phải chịu án phí trên số tiền 1.660.800.000đồng, cụ thể án phí phải chịu là: 30.912.000đồng.

Bà Châu Thị D, Châu Thị H, Châu Thị H không phải chịu án phí, trả lại cho bà Châu Thị D tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.480.000đồng, theo biên lai thu tiền số 2238 ngày 3/1/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H. Trả lại cho bà Châu Thị H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.480.000đồng, theo biên lai thu tiền số 2237 ngày 3/1/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H. Trả lại cho bà

Châu Thị H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.480.000đồng, theo biên lai thu tiền số 2236 ngày 3/1/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H.

Lệ phí định giá, đo đạc: bà Châu Thị C tự nguyện chịu 3.000.000đồng, số tiền này bà C đã nộp đủ, nay không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh TTH
- VKSND Thành phố Huế
- THA
- Các đương sự
- Lưu

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ**  
**Thẩm phán**

***Hoàng Quang Bình***